

NGUYỄN TRƯỜNG TỘ

MỘT NHÀ TƯ TƯỞNG LỚN CỦA VIỆT NAM TRONG THẾ KỶ XIX

PHẠM HUY THÔNG(*)

Nguyễn Trường Tộ không chỉ là một nhà cải cách nổi tiếng, một người Công giáo yêu nước tha thiết, mà còn là một nhà tư tưởng lớn của Việt Nam trong thế kỷ XIX. Đó cũng chính là những nội dung mà bài viết này đề cập. Mặc dù bị hạn chế bởi thế giới quan duy tâm tôn giáo, nhưng Nguyễn Trường Tộ đã có những tư tưởng triết học đặc sắc về nhân sinh, xã hội... so với các nhà tư tưởng Việt Nam cùng thời. Bên cạnh đó, ông còn đưa ra không ít những kiến nghị trong nhiều lĩnh vực, từ khoa học tự nhiên đến khoa học xã hội, quốc phòng, ngoại giao...

Dã có nhiều nghiên cứu về Nguyễn Trường Tộ (1830-1871) và khẳng định ông là người có tư duy vượt thời đại, đồng thời là một người công giáo yêu nước. Sở dĩ như vậy là vì, có những điều ông viết cách đây đã 150 năm mà đến nay vẫn còn đậm tính thời sự, như chống tham nhũng, buôn lậu, mở cửa đầu tư với nước ngoài, về việc cải cách giáo dục... Ông luôn canh cánh trong lòng suy tư làm sao cho nước thịnh đủ sức đánh đuổi thực dân Pháp, mặc dù triều đình khi đó có chính sách hà khắc với những người theo đạo công giáo như ông. Trong bài viết này, góp phần vào những nghiên cứu về Nguyễn Trường Tộ, chúng tôi đề cập một khía cạnh khác ở ông - khía cạnh một triết gia lớn.

Nguyễn Trường Tộ thông minh, học giỏi, nhưng ông không theo đuổi nghiệp quan trường. Có thể, ông biết rõ dù có học giỏi cũng không được dự thi vì ông là người công giáo. Bởi theo chỉ dụ của vua lúc bấy giờ, dân theo đạo không được phép đi thi. Cũng có thể, ông chịu ảnh hưởng tư tưởng coi thường công danh của các thầy dạy ông là Tú Giai, Cống Hữu, nên đã đoạn tuyệt với những "cạm bẫy" của người đời như ông viết trong *Bài trần tình* rằng, "Từ bé tôi đã thận trọng trong việc giao du, thích yên tĩnh, đối với tất cả những sự cầu danh, lần

lướt, giành công, tham lợi tôi đều coi như mây bay nước chảy. Vả lại, tôi không ham thích kinh doanh, không thích chuyện vợ con, đoạn tuyệt với hai cạm bẫy tài sắc"(1). Ông là một người công giáo đạo hạnh. Đang dạy học, trò theo rất đông, nhưng khi cha xứ yêu cầu ông sang dạy tiếng Việt cho giám mục Ngô Gia Hậu (Gauthier), ông đã xếp lớp lại và đi ngay, không hề tính toán thiệt hơn, dù rằng đi làm việc chung chẳng có công xá gì.

Mặc dù triều đình cấm đạo gắt gao, nhưng ông đã không sợ liên lụy mà còn táo bạo gửi điều trần can gián vua. Lời lẽ điều trần mê mèm, nhưng sắc sảo. Ông viết: "Xét ra đạo Công giáo vào nước ta từ thời Lê... Lúc bấy giờ giáo dân và những người trong ba đạo (Phật, Lão, Khổng), tuy tín ngưỡng khác nhau nhưng vẫn ân ái tiếp đón nhau, lễ nghĩa đối đãi nhau, năng lui tới với nhau không có gì hiểm nghi, đều là con dân của nước nhà mà thôi. Từ khi ban hành lệnh nghiêm cấm thì mới sinh ra ghen ghét kỳ thị nhau, do ghen ghét kỳ thị nhau mới sinh ra tội lệt. Từ đấy giáo dân bị phiền nhiễu đến nỗi phải lưu ly thất sở mà mắc vào vòng hình phạt. Nước vốn trong,

(*) Tiến sĩ, Trường Đại học dân lập Đông Đô.

(1) Trương Bá Cần. *Nguyễn Trường Tộ: Con người và di thảo*. Nxb Thành phố Hồ Chí Minh, 1988, tr.120.

có quấy lên mới bị đục, nếu ngừng thì chốc lát sẽ trong trở lại”(2). Theo chúng tôi, với *Bàn về tự do tôn giáo*, Nguyễn Trường Tộ là người đầu tiên đưa ra khái niệm “đồng hành” tôn giáo trong Triết học Việt Nam. Ông đã đưa ra những quan niệm đúng đắn về tôn giáo mà đến nay chúng ta vẫn có thể nhận thấy phần nào trong các văn bản luật liên quan đến tôn giáo nhằm vừa đảm bảo tự do tín ngưỡng tôn giáo, vừa chống lại sự lợi dụng tôn giáo làm những điều sai trái. Ông viết: “Giáo dân cũng do tạo vật sinh dưỡng và đạo giáo cũng do tạo vật bảo dưỡng hướng chi giáo dân cũng là một thành phần của nhân dân trong nước? Trong số đó nếu có kẻ bội nghịch chẳng qua cũng chỉ một phần nghìn phần trăm mà thôi... bất kỳ trong đạo giáo nào, hễ ai phản nghịch loạn thường đều là người đắc tội trong tôn giáo, cứ áp dụng hình phạt không tha để cho tôn giáo được trong sạch. Còn ai yên phận tuân theo pháp luật thì để cho họ tự nhiên, có hại gì đâu? Đồng hành mà không nghịch nhau là được”(3).

Nguyễn Trường Tộ luôn có ý thức cao về bốn phận công dân. Nhiều lúc, vấn đề quốc gia, dân tộc được ông đặt lên trên cả các lợi ích tôn giáo thông thường. Chẳng hạn, có những việc, ông đề nghị dừng cho các giám mục, linh mục biết, hoặc tranh thủ cả Vatican để tạo lợi thế cho nước ta. Cũng chính ông đã đưa ra một ý tưởng hoàn toàn mới mẻ là giáo hội Việt Nam phải giao cho người Việt Nam cai quản. Điều này, mãi đến những năm sau Cách mạng tháng 8 năm 1945 mới được nhắc lại và đến năm 1960 mới thành hiện thực khi Giáo hoàng Gioan XXIII ra sắc chỉ thiết lập hàng giáo phẩm ở nước ta. Ông viết: “...năm trước tôi đã bẩm miệng với quan Thượng thư bộ Binh và bộ Hộ muốn nhân lúc đi Tây mà xin với Giáo hoàng rút giáo sĩ Pháp về, và chỉ giao cho giáo sĩ nước ta trông nom hoàn toàn việc

đạo giáo... Tôi nói như thế, không phải là phản đạo, mà chính là để bảo vệ đạo”(4).

Đọc 58 Di thảo của Nguyễn Trường Tộ, chúng ta sẽ phải thật sự kinh ngạc vì sự am hiểu sâu sắc của ông về rất nhiều lĩnh vực, từ khoa học tự nhiên đến công nghệ máy móc, từ khoa học xã hội đến quốc phòng, ngoại giao. Ông xứng đáng được coi là người sáng lập, hay người phác thảo những ý tưởng khai sinh ra rất nhiều ngành khoa học ở nước ta, như nông nghiệp, thiên văn - địa lý, luật học, ngoại giao, thương mại, giáo dục... Ví dụ, với ngành nông nghiệp mà ông gọi là ngành nông chính, sau khi đã xác định tầm quan trọng của nông nghiệp với nền kinh tế - xã hội, ông đã đưa ra một loạt kiến nghị, như xuất bản một bộ sách “*Nông chính toàn thư*” ghi chép tất cả những kinh nghiệm hay trong dân gian cũng như ở các nước khác về trồng cấy, chăn nuôi, chế tạo công cụ; đào tạo quan lại chuyên trách về nông nghiệp đi khắp nước khảo cứu toàn bộ đất đai để xem đất nào trồng cây gì, nuôi vật gì thì thích hợp, nơi nào cần khai hoang, nơi nào cần tưới, tiêu. Ông đề nghị thành lập Bộ Canh nông chăm lo phát triển nông nghiệp, cử người đi học ở nước ngoài, tính lại thuế ruộng cho phù hợp với đất và đặc biệt, phải dạy cho dân biết trồng cấy, chăn nuôi chứ không để phó mặc cho tự nhiên như bấy giờ. Ông đề nghị phải lo trồng rừng để chống lũ lụt và phải giao đất cho dân trồng cấy, chăm sóc để chỗ nào cũng có chủ, không để xảy ra cảnh tự do chặt phá bừa bãi... Đó là những việc mà nền nông nghiệp nước ta vẫn đang trong quá trình thực hiện.

Là người theo Nho học, nhưng ông lại rất muốn học những cái hay, cái tiến bộ của xứ người để về áp dụng trong nước.

(2) Trương Bá Cẩn. *Sđđ.*, tr.116.

(3) Trương Bá Cẩn. *Sđđ.*, tr.118.

(4) Trương Bá Cẩn. *Sđđ.*, tr.325.

Ông đề nghị dùng cách học gắn với thực tế, đó là dùng phương pháp đánh giặc bằng cả quân sự, chính trị, ngoại giao với dùng kế hoà hoãn để nuôi lực lượng; liên minh với Anh và Ý để đánh Pháp; mở cửa mời nước ngoài vào làm ăn khai thác và dùng cả mặt kế nội gián để đánh Pháp từ trong vùng Pháp chiếm đóng do chính ông vạch kế hoạch và thực hiện. Có một thời gian khi theo giám mục Hậu vào Sài Gòn (từ năm 1859 đến năm 1862), vì có mong muốn được ra nước ngoài học hỏi nhưng bị kẹt lại, ông nhận làm phiên dịch cho Pháp nhưng ông luôn tận dụng mọi thời cơ để theo dõi tình hình địch, làm sai lạc các tài liệu có liên quan đến nghĩa quân hoặc chỉnh lại lời văn trong các văn thư của triều đình nhằm giữ thể diện quốc gia... Một số người cho rằng, việc ông làm cho Tây đã khiến ông rất đau khổ, mặc dù chính ông đã từ chối nhận chức ở Bộ Hộ của Pháp để trở về chấp nhận cảnh nghèo khó. Cho đến tận cuối đời, dù biết bao kiến nghị không được vua quan nhà Nguyễn ngó ngang tới, nhưng khi bị bệnh nặng, ông vẫn còn gửi nhiều bản điều trần nữa với hy vọng nó sẽ giúp ích cho nước nhà. Điều đó cho thấy lòng yêu nước nồng nàn trong ông.

Song, Nguyễn Trường Tộ không chỉ là một người yêu nước, ông còn là một triết gia lớn của Việt Nam trong thế kỷ XIX. Trong lịch sử tư tưởng Việt Nam, không có nhiều người thể hiện tư tưởng triết học rõ ràng như ông. Cùng thời với C.Mác (1818-1883) và Ph.Ăngghen (1820-1895), không rõ ông có được tiếp xúc với các tác phẩm của C.Mác và Ph.Ăngghen không, nhưng đọc Di thảo của ông, chúng ta có thể bắt gặp rất nhiều luận điểm triết học tương đồng. Chẳng hạn, ông viết: "... Nếu bị cái nghèo đói thúc bách thì lo kế sống cũng không xong, còn hơi đâu mà bàn lễ nghĩa" (5). Luận điểm này của ông tương đồng với quan niệm duy vật về lịch sử mà

C.Mác đã chỉ ra - một trong hai phát kiến vĩ đại của C.Mác, như Ph.Ăngghen đã viết: "Mác đã tìm ra quy luật phát triển của lịch sử loài người: cái sự thật giản đơn... con người trước hết cần phải ăn, uống, chỗ ở và mặc đã rồi mới có thể làm chính trị, khoa học, nghệ thuật, tôn giáo và v.v. được" (6). Theo chúng tôi, nếu Nguyễn Trường Tộ không đọc Mác mà ông có được luận điểm như trên thì ông thật sự là một triết gia duy vật lớn.

Nguyễn Trường Tộ cũng đã phát hiện ra yêu cầu khách quan của sự sinh tồn trong xã hội. Ông viết: "Tôi thiết nghĩ, trong ngũ phúc, phú đứng đầu, triệu dân trước tiên lo ăn. Sách Luận ngữ nói: Làm cho giàu có rồi mới giáo dục" (7). Đồng thời, ông nhận ra thế giới là vô cùng phong phú và đa dạng: "Trời đất sinh ra muôn vật không chỉ sinh một khuôn mẫu nào, không thiếu một bên nào, một chức phận nào hay một sinh vật nào mà sinh ra vô số hình thù khác nhau, xu hướng khác nhau để thu phục thống trị chúng, do đó mới thấy được cái phong phú, vĩ đại tinh xảo, kỳ diệu của trời đất". Rõ ràng, thế giới quan của ông là thế giới quan tôn giáo vì ông là người công giáo mộ đạo, nhưng khi nhìn nhận xã hội, xem xét một vấn đề cụ thể, ông lại có cái nhìn biện chứng duy vật. Ông khẳng định rằng, không có sự vật tồn tại một mình, cô lập, chỉ có các sự vật tồn tại trong mối liên hệ với các sự vật khác. Trong *Tế cấp bát điều*, ông viết: "Mọi vật sinh ra trên đời, vật gì cũng có phần thụ hưởng và phần cống hiến của nó. Chưa từng có một vật nào tồn tại một mình không có quan hệ dính dáng vào đâu cả" (8).

(5) Trương Bá Cẩn. *Sđđ.*, tr.191.

(6) C.Mác và Ph.Ăngghen. *Toàn tập*, t.19. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, tr.499-500.

(7) Trương Bá Cẩn. *Nguyễn Trường Tộ: Con người và di thảo*. *Sđđ.*, tr.394.

(8) Trương Bá Cẩn. *Sđđ.*, tr.243.

Đồng thời, có thể thấy rằng, đức tin của ông không hề cản trở việc ông tiếp thu các tri thức khoa học, cũng như những năm tháng theo Nho học không gò bó được tư duy của ông phải nhất nhất khuôn mẫu theo quan điểm Khổng - Mạnh. Chẳng hạn, lúc đó, giáo hội không đồng tình với thuyết nhật tâm của Copernic, nhưng ông lại chứng minh cho nó là đúng đắn với những lập luận hùng hồn trong *Bài tựa sách Đàm thiên luận* và đưa ra nhận định rất táo bạo và có vẻ ngược đời với trình độ dân trí ở ta lúc bấy giờ khi cho rằng: “ánh sáng cũng là một vật chất trong vũ trụ”(9). Hay là, Nguyễn Trường Tộ đã tiếp thu tư tưởng triết học biện chứng của Lão Tử để vận dụng vào xem xét các hiện tượng xã hội. Ông viết: “Hơn nữa việc đời thường thường chưa có việc gì hoàn toàn lợi mà không có hại, chỉ do con người biết tùy cơ ứng biến mà thôi. Trí lực không bao giờ cùng, trong lợi có hại”(10). Song, ông là một người tiếp thu có chọn lọc. Trong khi Lão Tử chủ trương “vô vi” thì Nguyễn Trường Tộ lại cho rằng: “Trên thế gian lẽ nào có chuyện không làm mà tự trên trời rơi xuống cho đâu?”(11).

Ông còn đi xa hơn nữa khi khẳng định thế giới này là có thật chứ không phải tưởng tượng và khả năng nhận thức của con người (cụ thể ở đây là các nhà khoa học) là vô tận. Ông viết: “Phàm nhà khoa học thì phải bụng bao hết những việc xưa nay, mắt trông khắp trời đất, tinh thần chu du tận cõi xa xăm, tâm hồn thấu đến chỗ u huyền. Như vậy mới sáng suốt mà tâm đắc được những gì sách vở không thể truyền hết... mắt trông thấy hiện tượng mà tâm trí bao trùm sự hiểu biết ngoài hiện tượng đó nữa. Bởi vì trời tuy cao, đất tuy xa nhưng đều có sự thực chứ không chìm vào hư vô... Tuy nói là sự thực nhưng nó cao dày thâm thúy vô cùng, thấy như gần nhưng thực là xa, thấy như nhỏ mà thực là

lớn, thấy như tĩnh mà thực sự là động, thấy như nghịch mà thực sự là thuận, thấy như không có nguyên tắc mà thực sự là có nguyên tắc, thấy như là trừu tượng mà thực sự là cụ thể”(12). Nói như ngôn ngữ triết học của chúng ta ngày nay thì, Nguyễn Trường Tộ đã nhận ra sự thống nhất của các mặt đối lập. Điều đó cho thấy ông có tư duy biện chứng. Mặc dù không đưa ra khái niệm lượng - chất, nhưng ông đã thấy những mặt đối lập tồn tại trong nhau, cùng nhau và có thể biến đổi cho nhau nếu vượt quá “độ”. Trong *Bản thảo gửi Tây soái*, ông đã phân tích lợi hại khi Pháp chiếm Nam Kỳ như sau: “Cái thay vì để nuôi người giờ trở thành cái làm hại người. Cho dầu có quyết đánh lấy người ta cho được thì cũng chỉ tạm một thời mà thôi và cái được cũng bù vào cái mất, người bị hại nhưng đâu phải ta chỉ có lợi mà không có hại? Cuối cùng vật gì quá cực độ của nó thì nó sẽ phản ngược trở lại”(13).

Nguyễn Trường Tộ dùng tư duy logic để xem xét, phân tích các mối quan hệ của những sự vật, hiện tượng phức tạp trong xã hội nhằm tìm ra cái cơ sở hưng thịnh của quốc gia, đó là của cải. Song, vấn đề không chỉ là của cải vật chất, vì theo ông, “hiền tài là sinh lực của quốc gia, sinh lực con người ta mà mạnh thì gân cốt trong người đều mạnh”. Trong khi, cơ sở để thúc đẩy con người hành động lại là “tài lợi”. Có thể nói, đây là một quan niệm duy vật. Ông cũng cho rằng, mặc dù các hiện tượng xã hội muôn hình muôn vẻ, nhưng chúng cũng hoạt động tuân theo những quy luật nhất định mà ông gọi là “lý”. Ví dụ, về quy luật gia tăng dân số tự nhiên, ông viết: “Phàm con người sinh ra, nhiều, ít, nên, hư đều

(9) Trương Bá Cán. *Sdd.*, tr.419.

(10) Trương Bá Cán. *Sdd.*, tr.411-412.

(11) Trương Bá Cán. *Sdd.*, tr.406.

(12) Trương Bá Cán. *Sdd.*, tr.417.

(13) Trương Bá Cán. *Sdd.*, tr.168.

theo một trật tự do tạo vật xếp đặt chủ trì. Xem trong một nhà, một làng thấy có đày, voi, hươu, thực không bằng nhau. Nhưng tính chung trong toàn tỉnh hay cả nước thì thấy cứ một thế kỷ số người lại tăng lên gấp đôi. Đó là lý nhất định”(14).

Về thuật cai trị, ông chủ trương phải dùng luật pháp, đó là: “quan dùng luật để trị, dân theo luật mà giữ gìn”. Tuy nhiên, ông cũng không hoàn toàn theo phái Pháp gia thiên về luật để trị nước, nhưng cũng không dựa hẳn vào “đức trị” như Nho gia chủ trương, mà dung hoà mềm dẻo hơn. Ông viết: “Phàm dùng lý chỉ dùng trong việc xử đoán hình phạt, mà khi nào không dùng tình được mới dùng đến lý. Lý là mệnh lệnh gắt gao. Tình là cái đôn hậu hoà dịu... Người trị nước quý hồ ở chỗ thấu suốt tình dân. Có tình thì mới có dân”(15).

Song, quan điểm của ông cũng có chỗ sai lầm, cực đoan như khi ông nhận xét về các chủng tộc người trên trái đất. Ông cho rằng, có giống “có phúc” và có giống “vô phúc”. Giống có phúc như các nước phương Tây và nước ta thì mỗi ngày một thịnh, còn “giống vô phúc như các dân da đen ở phương Nam, dân Thổ Nhĩ Kỳ, dân Mã Lai,... Cao Miên, Chiêm Thành... ngày một điêu tàn, nay đã đứng lại không phát triển nữa”(16). Đây là một luận điểm duy tâm, cực đoan của ông. Thật ra, những dân tộc thiểu số không phát triển được, đi tới chỗ tiêu vong không phải do họ là giống vô phúc.

Về vai trò của vua quan, ông cũng đã đề cao quá mức đến chỗ rơi vào quan điểm duy tâm khi nhận định rằng: “Người xưa có nói: “Dân là gốc của nước”. Nói như vậy cũng chưa đúng. Tôi cho rằng vua quan là gốc của nước. Vì không có vua quan thì chẳng bao lâu dân sẽ loạn, tranh nhau làm trưởng, giành giật lẫn nhau, tàn sát lẫn nhau, oán thù lẫn nhau. Cho nên nước dù có vua bạo ngược còn hơn không vua”(17). Chỗ này Nguyễn Trường Tộ đã nhầm lẫn, bởi vì chính chức năng cai trị xã hội của vua quan

cũng do nhân dân giao phó cho họ. Từ lập luận trên, ông cũng phản đối sự thay đổi trật tự xã hội hiện hành mà muốn duy trì lâu dài ngôi vua, “một họ cầm quyền, đời đời truyền nối”. Rõ ràng, lòng trung quân của ông đã đưa ông đến những kết luận đi ngược với sự phát triển của xã hội.

Chắc chắn sẽ có ý kiến cho rằng, Nguyễn Trường Tộ là tín đồ công giáo thì làm sao có thể có tư tưởng triết học duy vật, biện chứng được? Rằng, những trích dẫn trên đây chỉ là những lời nói, suy nghĩ không hệ thống, không thể chứng minh cho tư tưởng triết học của ông... Vậy, chẳng lẽ cứ là tín đồ các tôn giáo thì không thể trở thành triết gia duy vật được hay sao? Lịch sử triết học và khoa học đã có biết bao tín đồ tôn giáo vẫn là những nhà triết học duy vật và khoa học nổi tiếng. G.W.Lepnit (1646 - 1716) là một ví dụ điển hình. Ông là một người công giáo mộ đạo, nhưng vẫn là nhà toán học, vật lý học và triết học lớn ở Đức và của cả thế giới. Thế giới quan tôn giáo của ông chỉ chi phối khi ông bàn về Thượng đế mà thôi.

Bệnh tật đã làm cho Nguyễn Trường Tộ - một con người tài ba mất sớm. Ông mất ngày 22-11-1871, thọ 41 tuổi. Đây là mất lớn với gia đình ông. Sự nhu nhược và hèn kém của triều đình nhà Nguyễn lúc đó đã bỏ qua các bản kiến nghị đầy nhiệt huyết của ông không chỉ là nỗi bất hạnh với ông, mà còn là mất mát với toàn thể dân tộc. Những công trình kiến trúc do ông thiết kế, thi công có thể sẽ mai một theo năm tháng, nhưng tấm lòng kính Chúa, yêu nước của ông thì còn lại mãi với non sông như câu đối trên mộ của ông ở làng Bùi Chu: “Kính Chúa, yêu người hằng tạ dạ. Trung quân, ái quốc vốn ghi lòng”. □

(14) Trương Bá Cẩn. *Sđđ.*, tr.268.

(15) Trương Bá Cẩn. *Sđđ.*, tr.269-270.

(16) Trương Bá Cẩn. *Sđđ.*, tr.268.

(17) Trương Bá Cẩn. *Sđđ.*, tr.174.